

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 05-11-2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau:

1. Chị Nguyễn Thị Ái T, sinh ngày 26/3/1985; số định danh cá nhân/CCCD 046185016105; địa chỉ: Số B đường V, tổ dân phố K, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Anh Nguyễn Trường S, sinh ngày 02/12/1981; số định danh cá nhân/CCCD 046081011969; địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 25-11-2024, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái T và anh Nguyễn Trường S tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11-11-2009.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con: Vợ chồng thừa nhận có ba người con chung là cháu Nguyễn Trường Thiên A, sinh ngày 20-9-2009, cháu Nguyễn Bảo Trân C, sinh ngày 05-8-2012 và cháu Nguyễn Bảo Trâm A, sinh ngày 31-12-2020.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn giao ba cháu A, cháu C và cháu A cho anh S trực tiếp nuôi đến khi các cháu thành niên và người không trực tiếp nuôi con có

quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp quy định tại các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận chị Nguyễn Thị Ái T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi ba cháu Nguyễn Trường Thiên Â, cháu Nguyễn Bảo Trân C và cháu Nguyễn Bảo T1 Anh cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ khi ly hôn (tháng 01/2025) đến khi các cháu thành niên.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xét.

[5] Về lệ phí: Đương sự thỏa thuận anh Nguyễn Trường S chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là tự nguyện, có căn cứ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ái T và anh Nguyễn Trường S.

1.2. Về con chung: Giao ba cháu Nguyễn Trường Thiên Â, sinh ngày 20-9-2009, cháu Nguyễn Bảo Trân C, sinh ngày 05-8-2012 và cháu Nguyễn Bảo Trâm A, sinh ngày 31-12-2020 cho anh Nguyễn Trường S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi các cháu thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Ái T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi ba cháu Nguyễn Trường Thiên Â, cháu Nguyễn Bảo Trân C và cháu Nguyễn Bảo T1 Anh số tiền cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng) kể từ khi ly hôn (tháng 01/2025) đến khi các cháu thành niên.

Trường hợp người có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu phân chia.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trường S tự nguyện chịu số tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000977 ngày 06-11-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND thị trấn Phong Điền;
- Lưu hồ sơ VDS;
- Lưu án văn HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Đạt**